

PHẠM QUỲNH

MODULE THPT

36

GIÁO DỤC GIÁ TRỊ CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG



A. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

- Nội dung của module này nhằm hướng dẫn GV biết ứng dụng việc giáo dục giá trị vào trong những hoạt động dạy học. Module cũng yêu cầu GV tự thiết kế những bài tập theo các tình huống khác nhau, theo các phương pháp khác nhau... từ đó đưa ra những hành vi ứng xử mới theo đúng hệ giá trị; yêu cầu GV lập những kế hoạch làm mẫu các hoạt động theo các giá trị khác nhau trong lớp học, trong giờ ngoại khóa... Module này không phải là một tài liệu đóng, mà khuyến khích GV chia sẻ kinh nghiệm, sự sáng tạo của bản thân qua việc tự thiết kế các hoạt động giáo dục, lồng ghép vào các bài học trên lớp, tự dàn dựng các vở kịch, tự sáng tác ca khúc, bài thơ, tự sưu tầm các câu chuyện... liên quan đến các giá trị. Mỗi GV cũng là một tấm gương thực hiện các hành vi theo giá trị.
- Cấu trúc trong mỗi nội dung:
 - + Đây là tài liệu hướng dẫn tự học. Cấu trúc chung của tài liệu đáp ứng các yêu cầu: xác định mục tiêu dạy học cụ thể; hoạch định nội dung (đối tượng học tập) giúp GV thực hiện mục tiêu dạy học; thiết kế các hoạt động (con đường lĩnh hội) để thực hiện nội dung; thông tin cơ bản giúp GV thực hiện các hoạt động; các công cụ để GV tự kiểm tra, đánh giá kết quả học tập.
 - + Các nội dung (từ nội dung 1 đến nội dung 4) của tài liệu tập trung vào từng chủ đề cụ thể liên quan đến mục tiêu của cuốn sách. Từng nội dung bao gồm:
 - Lí thuyết là nội dung chi tiết, giải thích và ví dụ về các khái niệm chủ yếu.
 - Bài tập được đan xen vào nội dung nhằm giúp bạn chủ động suy nghĩ về khái niệm và vấn đề đang được thảo luận.
 - Bài tự đánh giá nhằm giúp học viên đánh giá những kiến thức từ mỗi chương.
 - + Ngoài ra, trong phần cuối của mỗi nội dung hoặc hoạt động sẽ có:
 - Bài tập để kiểm tra sự hiểu biết của bạn về các khái niệm đã trình bày.
 - Bài tập tình huống cho phép bạn áp dụng kiến thức và kĩ năng của bạn vào việc phân tích một tình huống cụ thể.
- Phương pháp học:

- + Tài liệu được thiết kế bởi kĩ thuật thiết kế tài liệu tự học, vì thế người học có thể học ở mọi nơi, mọi lúc. Người học cần tập trung và hạn chế được những tác động xung quanh để hiệu quả học tập cao hơn.
 - + Người học cần phối hợp các hoạt động học tập chủ yếu như: đọc, ghi chép, làm bài thực hành, bài tập tự đánh giá và suy ngẫm. Sau mỗi chương, cần dừng ở trang suy ngẫm để điểm lại những nội dung quan trọng. Cần thảo luận những vấn đề đã học với đồng nghiệp và tận dụng cơ hội để áp dụng những điều đã học vào thực tế.
 - + Trước khi tìm hiểu module này, cần trả lời những câu hỏi sau:
- (1) Các kết quả mà tôi mong muốn đạt được cho bản thân là:

(2) Các kết quả mà tôi mong muốn đạt được cho HS là:



B. MỤC TIÊU

Sau khi đọc tài liệu này, GV có thể.

- Nêu lên được quan niệm về giá trị, định hướng giá trị và giá trị.
- Phân loại giá trị và sự liên hệ giữa chúng.
- Xác định được vai trò và mục tiêu giáo dục giá trị cho HS THPT.
- Ý nghĩa của giáo dục giá trị đối cho HS THPT.
- Vận dụng các phương pháp giáo dục giá trị cho HS THPT.
- Tiến hành xây dựng, thiết kế các hoạt động giáo dục giá trị.



C. NỘI DUNG

Module có 4 nội dung.

NỘI DUNG 1

CÁC KHÁI NIỆM GIÁ TRỊ, CHUẨN GIÁ TRỊ, ĐỊNH HƯỚNG GIÁ TRỊ

Hoạt động 1: Tìm hiểu khái niệm giá trị và nguồn gốc của giá trị.

1. NHIỆM VỤ

Anh/ chị hãy tìm hiểu, thảo luận và cho biết ý kiến về khái niệm giá trị cũng như nguồn gốc của giá trị.

2. THÔNG TIN

Quan niệm về giá trị được hình thành từ rất sớm trong lịch sử. Trong triết học cổ đại Trung Quốc, các nhà triết học thuộc trường phái Mặc gia cho rằng, nguyên tắc đạo đức là mưu cầu lợi ích căn bản cho dân, cho nước.

Tuân Tử thuộc phái Nho gia cũng xuất phát từ lợi ích lâu dài của mọi người để bàn về căn cứ đạo đức. Trong thiên *Lễ luận* đã cho rằng, người ta sống thì có mong muốn, mong muốn không được thì không thể không cầu xin, cầu xin quá mức độ giới hạn thì phải tranh giành, tranh giành sẽ sinh loạn, mà loạn thì hết. Tiên vương vì ghét loạn cho nên định ra lễ nghĩa mà phân phát cho mọi người. *Nhân, lễ, nghĩa, nhạc* là để lo thay cho thiên hạ, lo cho các dân sinh trong thiên hạ, sau đó mới giữ được đến muôn đời. Có nghĩa là các vị thánh vương vì lo cho lợi ích lâu dài của mọi người mà định ra những nguyên tắc đạo đức. Đạo đức trở thành sự thoả mãn lợi ích lâu dài của mọi người.

Như vậy, điểm qua quan điểm của phái Mặc gia và Nho gia về giá trị bước đầu đã cho thấy cả hai phái này đã xác lập giá trị dựa trên quan hệ giữa người với người trong xã hội.

Aristotle cho rằng giá trị chính là sự thoả mãn nhu cầu. Điều này được thể hiện rõ khi ông bàn về cái thiện. Theo ông, *thiện* có hai tầng hàm nghĩa: một là tự thân là thiện và hai là thông qua cái khác để có thiện. Có nghĩa là thiện có thể chia ra làm hai loại: thiện của tính mục đích và thiện của tính công cụ. Thiện của tính mục đích không lấy cái thiện khác làm mục đích, không làm công cụ để đạt tới cái thiện khác mà tự thân nó đã là mục đích, nó là một thứ thuộc về bản thân, sẵn có, không thể tước đoạt. Thiện của tính công cụ làm công cụ, phương tiện để đạt được cái thiện khác.

Trong cuốn *Ý chí của tín ngưỡng*, nhà triết học theo chủ nghĩa thực dụng người Mỹ, W. James đã cho rằng, bản chất của cái thiện, nói đơn giản là thoả mãn nhu cầu.

Trong *Bàn về giá trị nói chung*, Ralph Barton Perry đã viết: giá trị là tất cả “những sự vật có ích”. Sau đó, ông còn đi sâu vào giá trị trong tám lĩnh vực: đạo đức, tôn giáo, khoa học, kinh tế học, chính trị, pháp luật và tập tục. Hàm nghĩa giá trị với ý nghĩa thoả mãn nhu cầu của con người chỉ là theo nghĩa hẹp. Vì nó chỉ có nghĩa theo sự thoả mãn nhu cầu của chủ thể tức là giá trị công cụ hay giá trị sử dụng của đối tượng trong quan hệ với con người. Trên thực tế theo nghĩa rộng, ngoài sự thoả mãn nhu cầu, giá trị còn hàm nghĩa sâu rộng hơn. Phần thoả mãn nhu cầu nào đó của con người được coi là hàm nghĩa cơ bản và đó mới chỉ là phần giá trị sử dụng. Phần hàm nghĩa sâu sắc của giá trị là đặc tính ưu việt, là giá trị bên trong của sự vật, hiện tượng.

Bàn về giá trị bên trong, nhà triết học người Anh, G.E. Moore cho rằng, giá trị bên trong là khách quan, trên mức độ nào đó không dựa vào sự tồn tại của chủ thể, do thuộc tính của sự vật tự quyết định.

Nói về sự khác nhau của hai loại giá trị, H. Tetus cho rằng, giá trị bên trong là một loại giá trị tự đầy đủ, không cần nhờ vào vật bên ngoài mới có giá trị, bản thân nó đã tự hoàn thiện. Giá trị bên ngoài phải nhờ vào một sự vật khác để thu được giá trị bên trong của sự vật khác, hoặc bản thân nó có ích cho sự vật khác mới có giá trị.

Theo A.J. Barmen, giá trị bên trong là giá trị tự có trong bản thân một vật nào đó. Nếu vật nào đó tự nó có giá trị bên trong, khi định giá trị sẽ không cần nhờ vào một sự vật khác. Giá trị bên trong có trong vật có giá trị. Giá trị bên ngoài là thứ giá trị có được nhờ vào kết quả quan hệ với các sự vật khác. Nếu một thứ nào đó có giá trị bên ngoài thì giá trị này phải là từ sự vật khác đem đến. Theo ông, giá trị bên trong cùng tồn tại với giá trị sử dụng (giá trị công cụ). Ông chủ trương nếu không có đủ cả hai phương diện giá trị bên trong và giá trị sử dụng thì không tồn tại bất cứ sự vật nào. Có lúc giá trị bên trong giữ vai trò chủ yếu, có lúc giá trị sử dụng giữ vai trò chủ yếu, nhưng không có sự vật nào chỉ thuần túy có giá trị bên trong hoặc chỉ có thuần túy giá trị sử dụng.

Giáo sư B. Shashidhar người Ấn Độ đã viết: “Giá trị là mục tiêu cuối cùng của mọi ý định của chúng ta. Đó là những gì chúng ta lựa chọn và khẳng định bằng hành động nhất quán”.

Như vậy, để hiểu rõ khái niệm giá trị theo nghĩa rộng, ngoài ý nghĩa giá trị sử dụng làm thoả mãn một nhu cầu nào đó, chúng ta cần chú ý đến giá trị bên trong để hiểu rõ khái niệm giá trị ở tầng sâu hơn. Khái niệm giá trị bên trong được đề cập theo bốn phương diện sau:

Một là, giá trị bên trong không phải là giá trị công cụ (sử dụng), hàm nghĩa cụ thể là khi tự thân đối tượng là một loại mục đích nào đó thì nó có giá trị bên trong.

Hai là, giá trị bên trong của đối tượng là giá trị nói về các thuộc tính, các đặc trưng – tính chất bên trong của đối tượng.

Ba là, tính có sẵn của giá trị bên trong. Giá trị bên trong của sự vật không phải do loài người sáng tạo ra, cũng không phải do con người gán ghép cho, mà là do bản thân của đối tượng có sẵn, được sinh ra cùng với đối tượng, tồn tại cùng đối tượng và mất đi cùng đối tượng. Con người không thể quy định giá trị bên trong của đối tượng mà chỉ có thể sử dụng mà thôi. Trước khi sử dụng thì giá trị bên trong đã có rồi.

Bốn là, giá trị bên trong là giá trị khách quan, không tùy thuộc vào sự đánh giá của người bình luận. Mặc cho mọi người đánh giá bình luận như, thử nghiệm như thế nào, kể cả nhận thức, thái độ, thị hiếu hoặc

kinh nghiệm phán đoán của người phán đoán ra sao thì giá trị bên trong vẫn được sinh ra theo logic tự nhiên và sinh ra một cách tất nhiên. Do đó, giá trị bên trong là khách quan.

Giá trị bên trong là giá trị tự cô của giới tự nhiên, không phụ thuộc vào sự đánh giá của con người. Điều này có nghĩa là, giá trị của tự nhiên không chỉ là giá trị đối với các sinh mệnh khác mà còn có giá trị đối với bản thân giới tự nhiên để tự sinh tồn và phát triển.

Khi bàn đến khái niệm giá trị, V.P. Tugarinov – nhà khoa học người Nga đã cho rằng: “Giá trị là những khách thể, những hiện tượng và những thuộc tính của chúng, những cái cần thiết cho con người (tất yếu, có lợi, hứng thú...) của một xã hội hay một nhóm nào đó cũng như một cá nhân riêng lẻ, với tư cách là phương tiện thoả mãn những nhu cầu và lợi ích của họ, đồng thời cũng là những tư tưởng và những ý định với tư cách là chuẩn mực, mục đích hay lí tưởng”⁽¹⁾.

Trong Từ điển Triết học, nhà triết học Liên Xô M.M. Rozentan đã viết: “Giá trị – những định nghĩa về mặt xã hội của khách thể trong thế giới chung quanh, nhằm nêu bật tác dụng tích cực hoặc tiêu cực của các khách thể ấy đối với con người và xã hội (cái lợi, thiện và ác, cái đẹp, cái xấu nằm trong những hiện tượng của đời sống xã hội hoặc tự nhiên)”⁽²⁾.

- John Maciology (Mĩ) cho rằng: “Giá trị là những quy chuẩn mà qua đó một thành viên của một nền văn hoá xác định điều gì là đáng mong muốn, điều gì không đáng mong muốn, điều gì là tốt hay dở, điều gì là đẹp hay xấu”⁽³⁾.
- Trên cơ sở những quan điểm mácxít, các nhà nghiên cứu ở Viện Lịch sử kinh điển Leipzig (Đức) đã nêu định nghĩa về giá trị: “Giá trị như là điểm tích tụ về tư tưởng của một giai cấp, hoặc của một chế độ xã hội nhất định. Do đó trong nhiều trường hợp, giá trị thể hiện một cách lịch sử cụ thể các mục tiêu, quy tắc, lí tưởng về lợi ích xã hội, các yêu cầu của một chế độ xã hội và của một giai cấp nhất định. Do đó, trong nhiều trường

¹ Chuyển dẫn từ Báo cáo khoa học giáo dục đạo đức, lối sống cho sinh viên, học sinh trung học chuyên nghiệp của Bộ Giáo dục và Đào tạo, 1998.

² M.M. Rozentan, *Từ điển Triết học*, NXB Tiến bộ Mátxcova và NXB Sự thật, Hà Nội, 1988, tr.208.

³ Đặng Cảnh Khanh, *Xã hội học Thanh niên*, NXB Chính trị Quốc gia, tr.371.

hợp, giá trị là định hướng phát triển cơ bản của đời sống tinh thần nhân loại trong mỗi giai đoạn lịch sử nhất định”.

- Tác giả Trần Trọng Thủy cho rằng: “Giá trị là một hiện tượng xã hội điển hình, biểu thị các sự vật, hiện tượng, các thuộc tính và quan hệ của hiện thực, các tư tưởng chuẩn mực, mục đích, lí tưởng, các hiện tượng của tự nhiên và xã hội được con người tạo ra hoặc không được con người tạo ra, nhưng đều phục vụ cho sự tiến bộ của xã hội và phát triển cá nhân con người”¹.
- Tác giả Lê Đức Phúc cho rằng: “Giá trị là cái có ý nghĩa đối với xã hội, tập thể và cá nhân, phản ánh mối quan hệ chủ thể – khách thể được đánh giá xuất phát từ điều kiện lịch sử, xã hội thực tế và phụ thuộc vào trình độ phát triển nhân cách. Khi đã được nhận thức, đánh giá, lựa chọn, giá trị trở nên động lực thúc đẩy con người theo một xu hướng nhất định”².

Nói đến giá trị, chúng ta có thể phân tích rõ hơn về nội hàm của khái niệm đó như sau:

Thứ nhất, giá trị là ý nghĩa của những hiện tượng tinh thần có khả năng thoả mãn những nhu cầu tích cực của con người và góp phần thúc đẩy sự phát triển của xã hội.

Thứ hai, giá trị bao gồm các yếu tố nhận thức, tình cảm và hành vi của chủ thể trong mối quan hệ với hiện tượng mang giá trị, thể hiện sự lựa chọn, đánh giá của chủ thể.

Thứ ba, giá trị được xác định trong mối quan hệ thực tiễn với con người, được xác định bởi sự đánh giá đúng đắn của con người, xuất phát từ thực tiễn và được kiểm nghiệm qua thực tiễn.

Thứ tư, giá trị luôn mang tính lịch sử khách quan, nghĩa là sự xuất hiện, tồn tại hay mất đi của một giá trị nào đó không phụ thuộc vào ý thức con người mà nó phụ thuộc vào sự xuất hiện, tồn tại hay mất đi của một nhu cầu nào đó của con người do yêu cầu của thực tiễn, trong đó có con người sống và hoạt động.

¹. Trần Trọng Thủy, “Giá trị, định hướng giá trị và nhân cách”, Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục số 7, 1993, tr 1 - 5.

². Lê Đức Phúc, Giá trị và định hướng giá trị, Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục, 1992

Tuy nhiên, cần lưu ý rằng, cùng một hành vi ứng xử, một thái độ biểu hiện... có thể có giá trị đối với cá nhân, cộng đồng này nhưng lại không có giá trị đối với cá nhân, cộng đồng khác, hoặc có giá trị trong điều kiện lịch sử này nhưng lại không có giá trị trong điều kiện lịch sử khác, hoặc có những giá trị ở dạng tiềm ẩn của sự vật hiện tượng mà con người chưa khám phá được. Do đó, cần hiểu đúng rằng, giá trị là ý nghĩa tích cực của các quan hệ, thái độ, hành vi ứng xử... chứ không phải là bản thân các quan hệ, thái độ, hành vi ứng xử... Do đó, tất cả các *các quan hệ, thái độ, hành vi ứng xử...* chỉ có giá trị khi nó có ý nghĩa tích cực với con người và được con người đánh giá, thừa nhận. Nói cách khác, "... Người ta thật khó hình dung có hành vi nào hay sự biến cố nào xảy ra trong đời sống xã hội mà lại không mang một đơn vị giá trị đối với con người. Bất cứ cái gì cũng có thể và cần phải được thẩm định về mặt giá trị"¹.

3. BÀI TẬP

Anh/ chị hãy chỉ ra một số giá trị truyền thống của Việt Nam.

Hoạt động 2: Phân tích và thảo luận về định hướng giá trị, tại sao phải định hướng giá trị cho HS.

1. NHIỆM VỤ

- Anh/ chị hãy đọc tài liệu dưới đây và thảo luận về định hướng giá trị.
- Anh/ chị hãy đọc tài liệu dưới đây và thảo luận tại sao phải định hướng giá trị cho HS.

¹ Nguyễn Trọng Chuẩn, Phạm Văn Đức, Hồ Sĩ Quý (chủ biên), *Tìm hiểu giá trị truyền thống trong quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.11-12.

2. THÔNG TIN

* Định hướng giá trị:

Khái niệm định hướng giá trị được định nghĩa theo nhiều cách tiếp cận khác nhau. Dưới đây là một số hướng tiếp cận phổ biến.

- *Hướng thứ nhất* được sử dụng trong *Từ điển Bách khoa toàn thư Xô viết*, xem xét định hướng giá trị như là cơ sở của các đánh giá của chủ thể đối với thực tại. Theo đó, “Định hướng giá trị” là:
 - + Cơ sở tư tưởng, chính trị, đạo đức, thẩm mỹ giúp chủ thể đánh giá thực tại xung quanh và định hướng trong thực tại đó.
 - + Phương pháp phân loại các khách thể của cá nhân theo giá trị của chúng. Định hướng giá trị hình thành thông qua sự chiếm lĩnh kinh nghiệm xã hội và thể hiện trong các mục đích, tư tưởng, chính kiến, ham muốn... của nhân cách. Trong cấu trúc hoạt động của con người, định hướng giá trị gắn liền các đặc điểm nhận thức và ý chí của nhân cách. Hệ thống định hướng giá trị tạo thành nội dung xu hướng của nhân cách và là cơ sở bền vững của các mối quan hệ giữa cá nhân với thực tại¹.
- *Hướng thứ hai* xem xét định hướng giá trị với tư cách là một thành tố trong cơ cấu nhân cách là cái điều chỉnh hành vi của con người, cho rằng: “Định hướng giá trị là một trong những biến đổi rõ nét của đặc trưng xu hướng nhân cách và có ý nghĩa hướng dẫn hoạt động của con người. Nó mang đậm nét tính xã hội - lịch sử chung của cộng đồng, nét riêng của từng dân tộc, những nét đặc thù của nhóm xã hội, nhóm lứa tuổi, giới nghề nghiệp, tôn giáo, địa phương khác nhau”².
- *Hướng thứ ba* tiếp cận định hướng giá trị như là thái độ của cá nhân: “Định hướng giá trị là thái độ lựa chọn của con người đối với các giá trị vật chất và tinh thần; là một hệ thống tâm thế, niềm tin, sở thích được biểu hiện trong hành vi của con người. Đó cũng là năng lực của ý thức, nhận thức và đánh giá các hoạt động và các sản phẩm xã hội khác nhau”³.

¹ *Từ điển Bách khoa Xô viết*, Nguyễn Thế Hùng dịch, NXB Sự thật 1971, tr 184.

² Phạm Minh Hạc, *Vấn đề con người trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá* (Nghiên cứu Xã hội học), NXB Chính trị Quốc gia, 1998, tr 122, 123.

³ Lê Đức Phúc, *Giá trị và định hướng giá trị*, Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục, 1992.

- *Hướng thứ tư* “Định hướng giá trị – định hướng của một cá nhân hay một nhóm xã hội tới hệ thống các giá trị này hay giá trị khác, trong đó các hiện tượng vật chất và tinh thần, xuất hiện với tư cách giá trị, có khả năng thoả mãn các nhu cầu và lợi ích của họ”¹.
- *Hướng thứ năm tiếp* cận giá trị theo quan hệ hai chiều giữa tính khách quan và chủ quan của giá trị. Đại diện cho hướng tiếp cận này là H. Rickert (1863 – 1936). Ông cho rằng: “Các giá trị là những lí tưởng, những thực tại lí tưởng có ảnh hưởng điều khiển và chuẩn hoá hành vi của con người.”

Định hướng giá trị có thể xem là động lực thúc đẩy con người hướng tới những giá trị. Việc cá nhân hướng vào những giá trị này hay những giá trị khác tạo nên định hướng giá trị của họ. Mỗi cá nhân hành xử với các chuẩn mực xã hội là những định hướng giá trị của họ. Cụ thể là cá nhân tiến hành lựa chọn các giá trị, chuẩn bị tâm thế, niềm tin để hiện thực hoá các giá trị của họ bằng những hành vi cụ thể. Định hướng giá trị không chỉ là quá trình nhận thức mà còn là quá trình hành động, điều chỉnh hành vi theo giá trị. Như vậy, định hướng giá trị bao hàm hai nội dung: một là, sự lựa chọn một giá trị hay hệ giá trị của cá nhân hay cộng đồng; hai là, giáo dục những giá trị cho cộng đồng, cá nhân. Định hướng giá trị có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với gia đình, xã hội và nhà trường.

* **Phải định hướng giá trị vì:**

Giá trị là cái mà con người dựa vào để xác định mục tiêu, phương hướng hoạt động cho mình. Giá trị là cơ sở để đánh giá thái độ hành vi đúng sai, nên có và không nên có của con người. Giá trị trở thành cơ sở của các chuẩn mực, quy tắc xác định cách thức hành động, điều chỉnh hành vi của mình trong một lĩnh vực nào đó. Mỗi người đều phải dựa vào các giá trị xã hội được chấp thuận để lựa chọn cách thức suy nghĩ và hành động phù hợp nhất.

Các giá trị làm hình thành động cơ, thái độ, quyết tâm và sức mạnh giúp con người vượt qua khó khăn, vươn tới mục đích, thúc đẩy hoạt động con người. Cho nên “nói đến giá trị là muốn khẳng định mặt tích cực, mặt chính diện, nghĩa là đã bao hàm quan điểm coi giá trị gắn liền với

¹ Chuyển dẫn từ *Báo cáo khoa học giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên trung học chuyên nghiệp* của Bộ Giáo dục và Đào tạo, 1998.

cái đúng, cái tốt, cái hay, cái đẹp; là nói đến cái có khả năng thôi thúc con người nỗ lực hành động và nỗ lực vươn tới”.¹

Giá trị chính là hệ thống các chuẩn mực, tiêu chuẩn nhằm định hướng cho việc đánh giá sự phát triển các mặt của đời sống xã hội. Hệ thống giá trị được thể hiện ở hệ chuẩn mực cơ bản, bao hàm những định chuẩn phổ quát chứa đựng tính quy định, tính thông tin như một phương tiện giao tiếp chứa các tín hiệu mà thể chế, cộng đồng yêu cầu, đòi hỏi cá nhân phải chấp nhận tự phát hay tự giác. Hệ chuẩn mực lớn này đan kết nhau định hướng, kiểm tra các hành vi cá nhân, các nhóm xã hội, xác định các mẫu mực, các mô hình chi phối các mục tiêu, các giới hạn, các hình thức ứng xử tạo nên diện mạo tương đối ổn định của đời sống văn hoá xã hội.

Giá trị có tính định hướng, tức là giá trị có vai trò dẫn dắt, điều chỉnh hành vi của con người. Vì vậy, định hướng giá trị là một yêu cầu tất yếu trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Một điều cần lưu ý là, các giá trị không phải là thứ nhất thành bất biến, khi xem xét giá trị với tư cách là yếu tố định hướng cho các hoạt động của chủ thể cần thiết phải nhấn mạnh đến hoàn cảnh cụ thể, tính khách quan của giá trị. Ví dụ: trong phong tục truyền thống cũng như văn hoá ứng xử trong tình yêu lứa đôi, vấn đề trinh tiết của người phụ nữ luôn được xem trọng. Nó được xem như một chuẩn mực để đánh giá tư cách đạo đức, phẩm giá của một người phụ nữ trước và sau khi kết hôn. Tuy nhiên, nhìn nhận vấn đề này một cách khách quan, cụ thể trong các quan niệm thì không phải ai cũng nhận thức như nhau. Trong *Truyện Kiều*, Nguyễn Du đã rất khéo léo dẫn dắt các quan niệm khác nhau về vấn đề trinh tiết trong nhận thức của Thuý Kiều, rồi Kim Trọng. Khi Kiều mới gặp Kim Trọng, lúc hai người đang rất tâm đầu ý hợp, Kim Trọng đã cảm thấy: “*Sống tình đường đã xiêu xiêu, Xem trong âu yếm có chiều lá lơi*”. Là người con gái của gia đình cô gia phong nề nếp, Thuý Kiều đã nhẹ nhàng trách khéo Kim Trọng, nói rõ quan điểm của mình, nàng muốn giữ tấm thân trong trắng trước lễ vu quy, coi thường những người phụ nữ thất tiết:

¹ Nguyễn Trọng Chuẩn, *Một số vấn đề triết học - con người - xã hội*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr. 752-753.

*Thua rằng, đừng lấy làm chơi,
Để cho thua hết một lời đã nao.
Vẽ chi một đoá yêu đào,
Vườn hồng chỉ dám ngăn rào chim xanh.
Đã cho vào bệc Bội kinh,
Đạo tông phu lấy chữ trinh làm đầu.
Ra tường trên bệc trong dàu,
Thì con người ấy ai cầu làm chi!*

Nhưng quan điểm của nàng đã thay đổi, khi nàng tình nguyện bán mình chuộc cha: “*Biết thân đến bước lạc loài, Nhị đào thà bẻ cho người tình chung*”. Đứng trước biến động của cuộc đời, quan điểm luân lý của Kiều đã thay đổi. Nhưng không phải vì sự thay đổi này mà Kiều mất đi phẩm giá của người con gái.

Sau 15 năm lưu lạc rồi được đoàn tụ với gia đình, gặp lại Kim Trọng, trong tâm thức Kiều lúc này chỉ còn tình với Kim Trọng và hiếu với cha mẹ. Nhưng đây là thứ tình thuần khiết, bởi một thực tế phũ phàng là:

*... Thiếp từ ngổ biến tới giờ,
Ông qua bướm lại đã thừa xấu xa.
... Còn chi là cái hồng nhan,
Đã xong thân thể còn toan nổi nào.
Nghĩ mình chẳng hổ mình sao,
Dám đem trần cấu dọ vào Bội kinh!*

Cho nên, tình yêu của Thuý Kiều đối với Kim Trọng đến lúc này là thứ tình yêu không nhục dục, và theo nàng, đó là sự tôn trọng tối thiểu nàng muốn Kim Trọng dành cho mình. Đó cũng là quan điểm trình tiết của Kiều đến thời điểm này:

*Chữ trinh còn một chút này
Chẳng cần cho vãng lại dầy cho tan!
Còn nhiều ân ái chan chan
Hay gì vẫy cánh hoa tàn mà chơi.*

Quan điểm của Kiều là nhất quán, trung trinh với người mình yêu, mặc dù thể xác có thể bị đầy đoạ, dày vò, nhưng với Kiều điều đó không đáng gì bằng sự tôn trọng bản thân mà Kiều đòi hỏi ở Kim Trọng.

Đối với Kim Trọng, cũng là một người có xuất thân truyền thống gia giáo, học hành, chàng lại có quan điểm rất quảng đại:

*Xưa nay trong đạo đàn bà,
Chữ trinh kia cũng có ba bảy đường.
Có khi biến có khi thường,
Có quyền nào phải một đường chấp kinh.
Nhu nường lấy hiếu làm trinh,
Bụi nào cho đục được mình ấy vay?
... Gương trong chẳng chút bụi trần,
Một lời quyết hẳn muôn phần kính thêm.*

Qua lời Kim Trọng, Nguyễn Du đã nói rõ quan điểm của mình về vấn đề trinh tiết. “*Chữ trinh kia cũng có ba bảy đường; Có khi biến có khi thường; Có quyền nào phải một đường chấp kinh.*”... là những câu tuyệt hay về định hướng một giá trị rất quan trọng trong hệ giá trị truyền thống Việt Nam.

Cũng cần phân biệt giá trị với một số khái niệm khác có liên quan như: nhu cầu, động cơ.

3. BÀI TẬP

a) Anh/ chị hãy phân tích để chỉ ra sự khác biệt giữa giá trị với nhu cầu.

b) Anh/ chị hãy phân tích để chỉ ra sự khác biệt giữa giá trị với động cơ.

Hoạt động 3: Tìm hiểu các khái niệm: hệ giá trị, thang giá trị và chuẩn giá trị.

1. NHIỆM VỤ

Anh/ chị hãy thảo luận và rút ra khái niệm hệ thống về hệ giá trị, thang giá trị và chuẩn giá trị.

2. THÔNG TIN

- * Hệ giá trị (hệ thống giá trị) là một tổ hợp giá trị khác nhau được sắp xếp, hệ thống lại theo những nguyên tắc nhất định thành một tập hợp mang tính toàn vẹn, hệ thống, thực hiện các chức năng đặc thù trong việc đánh giá của con người theo những phương thức vận hành nhất định của giá trị.
- Thông thường một hệ giá trị được mô tả như sau:
 - + Các thành phần của hệ giá trị đó.
 - + Các mối quan hệ giữa các thành phần.
 - + Chức năng chung của chúng.
- Ví dụ: UNESCO đưa ra hệ thống giá trị gồm bốn nhóm:
 - + Nhóm 1: Các giá trị cốt lõi: hoà bình, tự do, việc làm, gia đình, sức khoẻ, an ninh, tự trọng, công lý, tình nghĩa.
 - + Nhóm 2: Các giá trị cơ bản: sáng tạo, tình yêu, chân lí.
 - + Nhóm 3: Các giá trị có ý nghĩa: giàu sang, cái đẹp.
 - + Nhóm 4: Các giá trị không đặc trưng: địa vị xã hội...
- Hệ giá trị luôn mang tính lịch sử. Trong hệ giá trị có chứa đựng các nhân tố của quá khứ, của hiện tại và cả những nhân tố có thể có trong tương lai, các giá trị truyền thống, các giá trị thời đại, các giá trị có tính nhân loại, các giá trị có tính dân tộc, các giá trị có tính cộng đồng, tính giai cấp, các giá trị có tính lí tưởng và tính hiện thực... Ví dụ: Hệ giá trị truyền thống Việt Nam còn được lưu giữ đến ngày nay bao gồm: yêu nước, đoàn kết, cần cù, anh hùng, yêu gia đình, làng xóm, hiếu học.¹
- * Thang giá trị (thước đo giá trị) là trật tự ưu tiên của các giá trị trong một hệ giá trị. Ví dụ, nhà nông Việt Nam đưa ra thang giá trị: nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống.

¹ Ngô Đức Thịnh (chủ biên): *Những giá trị văn hoá truyền thống Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2010, tr.110.

- Thang giá trị được hình thành, thay đổi theo thời gian cùng với sự phát triển, biến đổi của xã hội loài người, của dân tộc, của cộng đồng, của từng cá nhân. Ví dụ, trước đây, răng đen là một giá trị trong hệ giá trị về cái đẹp của người phụ nữ Việt Nam:

Năm quan mua lấy miệng cười.

Mười quan chẳng tiếc, tiếc người răng đen.

Hoặc:

Răng đen ai nhuộm cho mình.

Mười quan chẳng tiếc, tiếc người răng đen.

Nhưng giá trị đó ở thời hiện đại cũng đã có sự thay đổi, giờ đây răng trắng muốt mới là răng đẹp. Tuy vậy, cũng có hệ giá trị khá bền vững với thời gian như: công – dung – ngôn – hạnh.

- Thang giá trị là cơ sở nhận thức và đánh giá, lựa chọn và chấp nhận các giá trị, được con người vận dụng trong các mối quan hệ với bản thân, xã hội và tự nhiên. Ví dụ: ca dao xưa có câu: “Con ơi đừng học thói chua ngoa/ Họ hàng ghét bỏ, người ta chê cười”, “chua ngoa” là một giá trị tiêu cực, nên gia đình đã chỉ ra để người con nhận thức, đánh giá và có ứng xử với giá trị này.
- Thang giá trị là vấn đề có tính nhân loại, tính thời đại, tính dân tộc. Trong các giá trị sống cốt lõi¹ của nhân loại bao gồm: hòa bình, tôn trọng, yêu thương, khoan dung, hạnh phúc, trách nhiệm, hợp tác, khiêm tốn, trung thực, giản dị, tự do, đoàn kết, thì hoà bình là giá trị được xếp thứ nhất bởi hoà bình trong lịch sử nhân loại luôn là yếu tố được mọi người dân tiến bộ mong muốn nhiều nhất.
- Thang giá trị của xã hội, của cộng đồng, của nhóm là hệ quy chiếu và thước đo giá trị của từng người. Trong lịch sử, khi miêu tả về cái đẹp thể chất của người phụ nữ, nhân dân ta đã xuất phát từ quan niệm rất lành mạnh: cái đẹp phải gắn với lao động, với thiên nhiên đất nước. “Cái đẹp chính là cuộc sống” (Tchernyshevski) Đó là cái đẹp khỏe mạnh, tươi tắn, bình dị, gần gũi, tự nhiên và gắn bó với cuộc sống lao động. Cho nên, các miêu tả cái đẹp, trong văn học dân gian như ca dao, tục ngữ cũng đưa các thang giá trị này để đánh giá về cái đẹp của người phụ nữ.

¹ Cũng gọi là giá trị phổ quát.

- Thang giá trị là một trong những nhân tố có vai trò quan trọng trong điều chỉnh hành vi của con người. Trong một chừng mực nào đó, hành vi của con người được vận hành trong những thang giá trị đã được gia đình, nhà trường, xã hội trang bị từ nhỏ. Ngược lại, trong quá trình sống, học tập, lao động, con người tự có nhu cầu khẳng định, củng cố, phát huy, bổ sung, hoàn thiện hoặc thay đổi thang giá trị. Thông thường, khi trưởng thành, mỗi con người đều có lựa chọn cho mình hệ giá trị và thang giá trị riêng.
- * Chuẩn giá trị là việc xây dựng các giá trị theo các chuẩn mực nhất định về kinh tế, chính trị, đạo đức, xã hội, thẩm mỹ.
- Giá trị chuẩn: Trong hệ thống giá trị được sắp xếp theo một trình tự nhất định, một thứ tự ưu tiên có những giá trị giữ vị trí là giá trị cốt lõi, chuẩn mực chung cho nhiều người, chiếm vị trí cao hoặc then chốt gọi là giá trị chuẩn. Ví dụ: Chuẩn giá trị về cái đẹp người phụ nữ trong mắt của một chàng trai khi yêu:

Mười giá trị chuẩn	Mười giá trị lệch chuẩn
Một thương tóc bỏ đuôi gà.	Một yêu mắt toét ba vành.
Hai thương ăn nói mặn mà có duyên.	Hai yêu miệng nói cười tình hơn ma.
Ba thương má lúm đồng tiền.	Ba yêu cái bộ răng hà.
Bốn thương răng lánh hạt huyền kém thua.	Bốn yêu miệng nói tựa hồ lợn kêu.
Năm thương cổ yếm đeo bùa.	Năm yêu cái tính chúa điều.
Sáu thương nón thương quai tua dịu dàng.	Sáu yêu com ít quà nhiều cũng no.
Bảy thương nét ở khôn ngoan.	Bảy yêu ngủ ngáy như bò.
Tám thương ăn nói lại càng thêm xinh.	Ăn vụng như chớp đánh con cá ngày.
Chín thương cô ở một mình.	Tám yêu con mắt liếc trai.
Mười thương con mắt có tình với ai.	Chín yêu tài ngủ suốt đời dậy trưa.
	Lại còn cái thói chanh chua.
	Mười yêu đẹp quá chẳng vừa mắt ai.

Theo nhà giáo dục T. Makiguchi: “Đặt đối tượng lên *bàn cân thiện – ác* ta đo giá trị đạo đức của nó, đặt lên *bàn cân lợi – hại, lời – lỗ* ta xác định được giá trị kinh tế của nó, trên *bàn cân đẹp xấu* đối tượng đó lại được đo lường về giá trị mỹ học. Tất cả đều do tiêu chuẩn đánh giá quyết định.”

3. Bài tập

a) Anh/ chị hãy cho một ví dụ về hệ giá trị và phân tích cấu trúc của nó.

c) Anh/ chị hãy cho một ví dụ về thang giá trị và phân tích cấu trúc của nó.

d) Anh/ chị hãy cho một ví dụ về chuẩn giá trị và phân tích cấu trúc của nó.

NỘI DUNG 2

PHÂN LOẠI VÀ QUAN HỆ GIỮA CÁC GIÁ TRỊ

Hoạt động 1: Tìm hiểu việc phân loại giá trị.

1. NHIỆM VỤ

Phân tích cơ sở để phân loại các giá trị.

2. THÔNG TIN

Người ta có thể phân biệt con người với con vật theo nhiều cách khác nhau.

- Thời cổ đại, chân – thiện – mỹ là ba giá trị nền tảng của văn minh Hi – La, sau trở thành phổ quát của thế giới phương Tây. Trong đó, “chân” thuộc lĩnh vực của khoa học nhận thức, “thiện” thuộc lĩnh vực đạo đức học. Còn, “mỹ” thuộc lĩnh vực mỹ học. Khoa học nhận thức giúp con người phân biệt được cái đúng – cái sai, cái thật – cái giả... Đạo đức học giúp con người phân biệt được cái thiện – cái ác, cái xấu – cái tốt... Mỹ học giúp con người phân biệt được cái đẹp – cái xấu, cái cao cả – cái thấp hèn...

Đến thời hiện đại, bên cạnh những giá trị phổ quát đó, mỗi quốc gia đều xây dựng cho riêng mình một hệ giá trị riêng. Chẳng hạn, trong cách mạng tư sản, nước Pháp đề cao các giá trị: tự do, bình đẳng, bác ái... Trong khi đó, ở Trung Quốc và một số nước chịu ảnh hưởng của văn hoá Trung Quốc thời cổ đại, bảng giá trị có phần phong phú hơn. Bảng giá trị về các nhu cầu của con người có ngũ phúc (phúc, lộc, thọ, Khang, ninh), sau này rút gọn thành tam đa (phúc, lộc, thọ); còn bảng giá trị về nhân cách của người quân tử gồm ngũ thường (nhân, nghĩa, lễ, trí, tín). Tuy nhiên, thời hiện đại, bảng giá trị này đã có thay đổi. Chẳng hạn, ở Nhật Bản là: thiện, ích, mỹ; ở Singapor là: quốc gia trên hết, gia đình là gốc, đề cao cá nhân, tôn giáo khoan dung, dân tộc hài hoà... Ở Việt Nam, GS. Trần Văn Giàu đã đưa ra bảng giá trị của dân tộc Việt Nam gồm: yêu nước, cần cù, anh hùng, sáng tạo, lạc quan, thương người, vì nghĩa¹.

¹ Trần Văn Giàu, *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1980.

- Theo góc độ giá trị, Mark Lilla, nhà triết học Mỹ, đã phân biệt bằng bốn giá trị: lý trí, danh dự, phẩm giá, đạo đức. Còn F.M. Wuketits (Áo), lại đề cao vai trò của ý thức, bao gồm cả tự ý thức.
- Các hệ giá trị tồn tại ở nhiều cấp độ khác nhau, tùy thuộc vào hoàn cảnh lịch sử, địa lý, xã hội, môi trường... khác nhau, tạo nên các cơ sở phân chia khác nhau.
- + Theo phương pháp tiếp cận hệ thống, giá trị có thể được phân loại theo cấp độ:
 - Hệ giá trị phổ quát của nhân loại.
 - Hệ giá trị của xã hội hiện đại.
 - Hệ giá trị của xã hội thời kì quá độ.
 - Hệ giá trị của các thành phần theo cơ cấu xã hội.
 - Hệ giá trị của nhóm...
- + Cũng có thể chia theo một cách khác:
 - Hệ giá trị phổ quát của toàn nhân loại.
 - Hệ giá trị khu vực (phương Đông, phương Tây).
 - Hệ giá trị của các hình thái kinh tế xã hội (phong kiến, tư bản, xã hội chủ nghĩa...).
 - Hệ giá trị dân tộc.
 - Hệ giá trị thời đại.
- + Tác giả Đoàn Văn Chúc và Hoàng Vinh căn cứ vào các lĩnh vực khác nhau của đời sống con người mà chia giá trị thành lĩnh vực, kiểu loại. Đoàn Văn Chúc chia giá trị thành 5 loại:
 - Giá trị thuộc phẩm chất tự nhiên, tức là sự tương tác giữa con người với tự nhiên để tạo ra những ước muốn của con người, như khoẻ mạnh, sống lâu...
 - Giá trị thuộc về trật tự kinh tế, như tam đa, ngũ phúc...
 - Giá trị thuộc về trật tự tâm linh, tức là vũ trụ quan, nhân sinh quan theo triết học phương Đông.
 - Giá trị thuộc trật tự đạo đức.